

Bản án số: 12/2020/HS - ST

Ngày: 13-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bốn

Ông Cao Xuân Chiến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:**
Ông Phan Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn U', sinh năm 1989 tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 12, xã H, huyện H, tØnh Nam §Đnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 12/12 ; d©n tộc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ; tiØn ,n, tiØn sù: Kh«ng; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 ®Õn nguy 04/11/2019, hiện tại ngoại, chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46 ngày 04/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

2. Hoàng Quang D, sinh n`m 1996 tại xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 5, Hùng Tiến, xã G, huyện Gi, tØnh Nam §Đnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 10/12 ; d©n tộc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Hoàng Thị H; có vī Trần Thị Thu H; có 02 con; TiØn ,n: Ngày 04/5/2017 bị TAND huyện Giao Thủy xử phạt 18 tháng Cải tạo không giam giữ, đến ngày 27/11/2018 chấp hành xong hình phạt; TiØn sù: Ngày 15/7/2019 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. BÞ cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2019 đến ngày 11/12/2019. Hiện tại ngoại, chấp hành Quyết định cho bảo lãnh số 06 ngày 11/12/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Hoàng A, sinh năm 1988 tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: xóm 14, xã H, huyện H, tØnh Nam §Đnh; nghỒ nghiÖp: Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 12/12 ; d©n tíc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Hoàng Quốc T và bà Nguyễn Thị Th; Có vợ là Lê Thị Ch; Có 3 con; Tiền ,n, tiÒn sù: Kh«ng. BÞ cáo bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 ®Ön nguy 04/11/2019, được tại ngoại, chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 45 ngày 04/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

4. Vũ Văn D, sinh năm 1995 tại xã Xuân N, huyện X, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm Q, xã X, huyện X, tØnh Nam §Đnh; nghỒ nghH : Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 12/12 ; d©n tíc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Vũ Văn T và bà Vũ Thị S; TiÒn ,n, tiÒn sù: Kh«ng; Nhân thân: Ngày 18/12/2015, bị TAND huyện Hải Hậu xử phạt 6 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2019 đến ngày 22/01/2020. Hiện tại ngoại, chấp hành Quyết định cho bảo lãnh số 01 ngày 22/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

5. Phạm Văn T, sinh năm 1984 tại xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 7, Q, xã Gi, huyện Gi, tØnh Nam §Đnh; nghỒ nghiÖp: Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 9/12; d©n tíc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Phạm Văn H và bà Hoàng Thị S (Đã chết). BÞ cáo bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 ®Ön nguy 04/11/2019. Hiện tại ngoại, chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 44 nguy 04/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

6. Vũ Văn H, sinh năm 1983 tại xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 4, H, xã Gi, huyện Gi, tØnh Nam §Đnh; nghỒ nghiÖp: Lao động tự do; tr×nh ®é học vấn: 7/12; d©n tíc: Kinh; giới tính: Nam; t«n gi, o: Không; quốc tịch: Việt Nam; con «ng Vũ Văn V và bà Lê Thị Y; Có vợ là Hoàng Thị H; có 02 con; tiÒn ,n, tiÒn sù: Kh«ng. Bị cáo bÞ b¾t t½m gi÷ tổ nguy 26/10/2019 ®Ön nguy 04/11/2019, được tại ngoại, chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 47 ngày 04/11/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

Người chứng kiến: Ông Vũ Đức Ch; sinh năm 1952

Địa chỉ: Xóm 4 H, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo; ông Ch vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 26/10/2019, các đối tượng gồm Nguyễn Văn U; Hoàng A; Vũ Văn D; Phạm Văn T và Hoàng Quang D lần lượt đến nhà Vũ Văn H, xem đá gà chơi. Tại đây các đối tượng rủ nhau đánh bài ăn tiền, H đồng ý. U, Hoàng A, D, T, D ngồi tại chiếu đã trải sẵn trong gian bếp nhà H rồi lấy 01 bộ bài có sẵn tại chiếu để chơi. Các đối tượng thống nhất chơi liêng ăn tiền, góp gà 20.000 đồng 1

ván, tổ thấp nhất 20.000 đồng, tổ cao nhất 300.000 đồng và nếu ai được sếp thì bỏ ra ngoài chiếu cho H 50.000 đồng. Trong quá trình chơi, D được 01 ván sếp và bỏ ra ngoài chiếu 50.000 đồng, H cầm số tiền này đi mua 01 cây bài gồm 10 bộ về cho các đối tượng trên sử dụng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc ăn tiền thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy phát hiện lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm pháp quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.990.000 đồng. Thu trên người các đối tượng 5 ô tô loại di động các loại + 05 xe máy, ngoài ra thu trên người các đối tượng số tiền 14.100.000 đồng và các vật chứng liên quan đến vụ án đưa về Công an huyện Giao Thủy.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H, H đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra 08 bộ bài tú lơ khơ vỏ màu vàng viền đen, có hình con rồng màu xanh đỏ và chữ Trung Quốc màu đỏ chưa qua sử dụng.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an huyện Giao Thủy các đối tượng khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, và còn khai nhận:

Vũ Văn H khai: Ngày 26/10/2019 đã đồng ý cho U, D, T, Hoàng A đánh bạc ăn tiền tại nhà mình, đã sử dụng tiền hồ của các đối tượng đi mua bài về phục vụ các đối tượng đánh bạc. Khi bị bắt, H bị thu giữ số tiền 2.600.000 đồng, H không sử dụng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Văn U khai: Khi đi mang theo 5.000.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. U bỏ ra 2.000.000 đồng chơi trước, còn lại 3.000.000 đồng cất trong người. Khi bị bắt giữ, U bỏ hết số tiền trên tay xuống chiếu bạc. Ngoài ra, CQĐT thu giữ trên người U số tiền 3.000.000 đồng là tiền U sử dụng để đánh bạc.

Vũ Văn D khai: Khi đi mang theo số tiền 1.000.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, D đang T 1.200.000 đồng và bỏ hết xuống chiếu bạc.

Phạm Văn T khai: Khi đi mang theo 5.600.000 đồng trong đó sử dụng 600.000đ vào việc đánh bạc. Khi bị bắt T bỏ hết số tiền trên tay xuống chiếu bạc. CQĐT thu trên người T 5.000.000 đồng, T khai không sử dụng vào việc đánh bạc.

Hoàng A khai: Khi đi mang theo 1.700.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, Hoàng A đang thắng 300.000 đồng. CQĐT thu giữ trên người Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng là tiền Hoàng A sử dụng vào việc đánh bạc.

Hoàng Quang D khai: Khi đi mang theo 2.000.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, thu giữ trên người D số tiền 1.500.000 đồng là tiền D sử dụng để đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 06/CTR ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn U, Hoàng Quang D, Hoàng A, Vũ Văn D và Phạm Văn T với tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi đã tham gia đánh bạc của mình như nội dung trong bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn U, Hoàng Quang D, Hoàng A, Vũ Văn D, Vũ Văn H và Phạm Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Quang D từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng A từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.490.000đ.
- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã sử dụng và 08 bộ bài tú lơ khơ còn nguyên vẹn.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều nhận thức được bản thân đã phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và được miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10h ngày 26/10/2019, các bị cáo Nguyễn Văn U', Hoàng A, Vũ Văn D; Phạm Văn T, và Hoàng Quang D đã tụ tập đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền tại nhà Vũ Văn H ở xóm 4, Hùng Tiến, xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy đến khoảng 12h cùng ngày thì bị Công an huyện Giao Thủy bắt quả tang, thu giữ số tiền 13.490.000đ các đối tượng dùng vào việc đánh bạc. Vũ Văn H đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, thu 50.000 đồng tiền hồ của các đối tượng mua bài phục vụ các đối tượng đánh bạc ăn tiền, theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì hành vi của H là đồng phạm trong vụ án. Do đó các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn U', Hoàng Quang D, Hoàng A, Vũ Văn D và Phạm Văn T đã phạm tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng xấu tới trật tự xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hoặc hiện vật khác có giá trị đều vi phạm pháp luật. Do vậy cần phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính nghiêm khắc của pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Để đưa ra mức án phù hợp, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án như sau:

Các bị cáo tụ tập cùng rủ nhau đánh bài ăn tiền, nên phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn; tuy nhiên bị cáo U' tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên giữ vai trò cao hơn các bị cáo khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, U', D, T và Hoàng A không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật hình sự. Bị cáo D đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, U', T, Hoàng A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Qua đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần thiết buộc bị cáo D phải tập trung cải tạo, còn các bị cáo U', D, Hoàng A, T xử phạt tù nhưng chưa nhất thiết phải tập trung cải tạo mà cho

hưởng án treo, bị cáo H phạt cải tạo không giam giữ, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền 13.490.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu 01 chiếc nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã sử dụng và 08 bộ bài tú lơ khơ còn nguyên vẹn cho tiêu hủy.

§èi víi 05 chiỐc ①iỐn tho4i di ①éng, 05 chiỐc xe máy C- quan ①iỒu tra ①- thu gi÷ của các đối tượng. Qu, tr×nh ①iỒu tra x,c ①Đnh đó là nh÷ng tụi s4n hợp pháp của các đối tượng kh«ng liªn quan ①Ốn hnh vi ①, nh b4c, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các đối tượng là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của Phạm Văn T và số tiền 2.600.000 đồng thu giữ của Vũ Văn H không liên quan đến hành vi đánh bạc, CQĐT đã trả lại cho các đối tượng là phù hợp.

[7] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn U, Hoàng Quang D, Hoàng A, Vũ Văn D, Phạm Văn T và Vũ Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

1.Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 04/11/2019).

Xử phạt bị cáo Hoàng A 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 04/11/2019).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 04/11/2019).

2.Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Quang D 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian đã bị giam giữ từ ngày 26/10/2019 đến 11/12/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị giam giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 22/01/2010).

Giao bị cáo Hoàng A cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Vũ Văn D cho UBND xã X, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự).

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26/10/2019 đến ngày 04/11/2019 là 9 ngày. Quy đổi 1 ngày tạm giữ bằng 3 ngày phạt cải tạo không giam giữ là 27 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 3 ngày (mười bảy tháng ba ngày).

Giao bị cáo Vũ Văn H cho UBND xã Gi, huyện Gi, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày UBND xã Giao Tiên nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Văn H.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền 13.490.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc sung quỹ Nhà nước (đã thu giữ tại biên lai thu tiền số 0001304 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

- Tịch thu 01 chiếc nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã sử dụng và 08 bộ bài tú lơ khơ còn nguyên vẹn chưa qua sử dụng (có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/01/2020 giữa Công an huyện Giao Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy) cho tiêu hủy.

6. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Văn H, Nguyễn Văn U, Hoàng Quang D, Hoàng A, Vũ Văn D và Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ông Ngọc Lễ

